

CẤU TRÚC QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC TRONG TRIẾT HỌC PHÁP QUYỀN CỦA G.W.F. HEGEL

STRUCTURE OF STATE POWER IN G.W.F. HEGEL'S PHILOSOPHY OF LAW

Phan Thành Nhâm

Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội; nhampphan84@gmail.com

Tóm tắt - Vấn đề quyền lực nhà nước chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng trong triết học pháp quyền của Hegel. Với Hegel, Nhà nước quân chủ lập hiến chính là thành tựu quan trọng của xã hội đương thời và là một mô hình nhà nước lý tưởng. Trong Nhà nước quân chủ lập hiến có sự phân công và thống nhất giữa các quyền lực nhà nước, bao gồm quyền lực của quốc vương (tính cá biệt), quyền lực hành pháp (tính đặc thù) và quyền lực lập pháp (tính phổ biến). Ở Hegel, tuy không có sự tách biệt một cách tuyệt đối giữa các quyền lực nhà nước, nhưng trong triết học pháp quyền của Hegel vẫn thể hiện rõ tư tưởng về một Nhà nước pháp quyền hiện đại. Trong phạm vi bài viết này, tác giả sẽ tập trung nghiên cứu những nội dung cơ bản trong quan niệm của Hegel về quyền lực nhà nước, từ đó chỉ ra những giá trị đối với thực tiễn xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam.

Từ khóa - quyền lực; nhà nước; triết học; pháp quyền, Hegel.

Abstract - The issue of state power occupies an important position in Hegel's philosophy of law. For Hegel, the State of constitutional monarchy is a significant achievements of contemporary society and is an ideal state model. In a constitutional monarchy State, there is an assignment and agreement among the powers of the State, including the power of the monarch (individuality), the executive power (characteristics) and the legislative power (popularity). Although in Hegel's law philosophy, there is no absolute separation among state powers, it still reflects the idea of a modern state ruled by law. Within the scope of this article, the author will focus on the basic content of Hegel's conception of state power, which indicates the practical value for building a state of law in Vietnam.

Key words - power; state; philosophy; law; Hegel.

1. Đặt vấn đề

Học thuyết về nhà nước trong triết học pháp quyền của Hegel là sự phản ánh sâu sắc thực tiễn Tây Âu và nước Đức vào cuối thế kỷ XVIII – đầu thế kỷ XIX, là sự kế thừa và phát triển tư tưởng về nhà nước trong lịch sử triết học phương Tây từ cổ đại đến cận hiện đại, nhất là tư tưởng của các triết gia lớn như Plato, Aristotle, Montesquieu, Rousseau, Kant, Fichte,... Tuy nhiên, việc lý giải học thuyết về nhà nước trong triết học pháp quyền của Hegel đã được tiến hành với những chiều kích khác nhau, thậm chí là đối lập nhau. Chủ nghĩa Marx đã tìm kiếm và khai thác những hạt nhân hợp lý và cách mạng trong triết học pháp quyền của Hegel - nhất là phép biện chứng của Hegel trong lĩnh vực chính trị - xã hội để xây dựng nên triết học duy vật về lịch sử và học thuyết về chủ nghĩa xã hội. Ngược lại, chủ nghĩa Hegel mới, nhất là chủ nghĩa Hegel mới ở Đức lại khai thác những nội dung bảo thủ trong học thuyết chính trị - xã hội của Hegel để xây dựng nên một hệ tư tưởng phản động phù hợp với tinh thần của chủ nghĩa phát xít Đức. Ở Việt Nam, việc nghiên cứu về triết học pháp quyền của Hegel nói chung và học thuyết về nhà nước của Hegel nói riêng mới được quan tâm trong những năm gần đây, nhưng vẫn chưa tương xứng với vị thế của Hegel trong lịch sử tư tưởng nhân loại. Vì vậy, việc nghiên cứu học thuyết về nhà nước, nhất là nghiên cứu quan niệm của Hegel về quyền lực nhà nước là thực sự cần thiết và có ý nghĩa hơn khi chúng ta biết cách lọc những giá trị tinh túy nhất ẩn chứa trong những quan niệm ấy.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Vài nét về tiểu sử và triết học pháp quyền của Hegel

G.W.F. Hegel sinh năm 1770 tại Stuttgart, từng là sinh viên thần học trong những năm 1788 – 1793 tại một trường ở gần Tübingen. Ở đó, Hegel có được tình bạn với các sinh

viên cùng thời, như nhà thơ vĩ đại trong tương lai, Friedrich Holderlin, và F.D.E. Schelling, người mà sau này cùng với Hegel trở thành một trong những đại biểu của triết học Đức nửa đầu thế kỷ XIX. Tình bạn này có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển tư tưởng triết học của Hegel, và trong một thời gian, cuộc sống tư duy của ba con người này đan quện vào nhau hết sức chặt chẽ.

Sau khi tốt nghiệp đại học, Hegel làm gia sư tại một số gia đình ở Bern, rồi Frankfurt, nơi ông viết những tác phẩm đầu tiên về chủ đề tôn giáo. Năm 1801, ông chuyển đến Jena, một thị trấn của bang Weimar, nơi Schelling trước đó cũng đã dời đến. Ở đó, ông đã được “rèn luyện”, và cho đến 1804 thì có sự cộng tác với Schelling. Trong thời gian này, triết học Hegel chịu sự ảnh hưởng mạnh mẽ từ Schelling – người đã từng chịu ảnh hưởng, nhưng cũng đang trong tiến trình thoát khỏi tư tưởng của J.G. Fichte. Năm 1802, Hegel xuất bản tác phẩm triết học đầu tiên của mình, *Sự khác nhau giữa hệ thống triết học của Fichte và hệ thống triết học của Schelling*, trong đó ông lập luận rằng cách tiếp cận của Schelling thành công tại chính vấn đề mà Fichte thất bại trong công trình hệ thống hóa chủ nghĩa duy tâm siêu nghiệm của Kant, và thông qua đó mà hoàn thiện tư tưởng này.

Năm 1807, Hegel xuất bản *Hiện tượng học tinh thần*. Schelling cho rằng sự chỉ trích sâu cay trong Lời tựa của tác phẩm này là nhằm vào ông, và tình bạn của họ đã chấm dứt một cách đột ngột. Việc Jena bị quân đội Napoleon chiếm đóng đã khiến trường đại học tại đây phải đóng cửa, và Hegel cũng rời khỏi nơi này. Trong một thời gian ngắn ông làm biên tập viên cho một tờ báo ở Bamberg, và sau đó, từ năm 1808 đến 1816, là hiệu trưởng và giáo viên triết học của một trường trung học tại Nuremberg. Trong khoảng thời gian này ông viết và xuất bản *Khoa học Logic*. Năm 1816, ông đảm nhận cương vị giáo sư triết học tại Đại học Berlin, vị trí được xem là danh giá nhất trong giới triết học Đức.

Khi còn ở Heidelberg, ông đã xuất bản *Bách khoa toàn thư các khoa học triết học*. Cũng như *Khoa học logic* (“Đại logic”), *Bách khoa toàn thư các khoa học triết học* cũng được chia thành ba phần: Phần thứ nhất là một phiên bản tóm lược *Khoa học logic* (được gọi là “Tiểu logic”); Phần thứ hai, *Triết học tự nhiên*; và Phần thứ ba, *Triết học tinh thần*. Giống như hình mẫu tam đoạn thức trong *Triết học tinh thần*, kết quả dẫn đến những triết lý về tinh thần chủ quan, tinh thần khách quan và tinh thần tuyệt đối. Thành phần đầu tiên tạo nên triết học về tư duy; thành phần cuối cùng đưa đến triết học về nghệ thuật, về tôn giáo và về chính trị học. Triết học về tinh thần khách quan liên quan đến những hình mẫu khách quan về các tác động xã hội và các thể chế văn hóa, mà trong đó “tinh thần” được khách quan hóa. Trong phần *Tinh thần khách quan* của *Triết học tinh thần*, Hegel đã nghiên cứu những vấn đề cơ bản của triết học pháp quyền, bắt đầu từ Pháp luật (sở hữu, hợp đồng, và pháp quyền chống lại sự phi pháp), đến Luân lý (mục đích, ý định và phúc lợi, thiện và ác) và kết thúc ở Đời sống đạo đức (gia đình, xã hội dân sự, nhà nước và lịch sử thế giới).

Những ý tưởng của Hegel về nhà nước và pháp quyền trong triết học tinh thần khách quan tiếp tục được ông phát triển và hoàn thiện trong cuốn sách có nhan đề *Các nguyên lý của triết học pháp quyền* (1821) đã được Hegel xuất bản như sách giáo khoa cho các bài giảng của ông tại Berlin, về bản chất nó tương xứng như một phiên bản phát triển hơn nữa phần “Tinh thần khách quan” trong *Triết học tinh thần*. Tác phẩm *Các nguyên lý của triết học pháp quyền* có kết cấu theo mô hình tam đoạn thức hay được Hegel ưa dùng, gồm 3 phần, mỗi phần lại gồm 3 chương, nghiên cứu ba lĩnh vực quan trọng của triết học pháp quyền là *Pháp quyền trừu tượng*, *Luân lý* và *Đời sống đạo đức*.

Trong “Pháp quyền trừu tượng”, Hegel bàn đến quan niệm về sở hữu, tiếp theo đó là hợp đồng và sự phi pháp. Điều được quan tâm đặc biệt ở đây là việc Hegel đã luận chứng triết học đối với quyền sở hữu tài sản của mỗi cá nhân với tư cách là những nhân thân. Với Hegel thì quyền sở hữu tài sản là một quyền tự nhiên của con người. Tuy nhiên, Hegel đã đi xa hơn và cũng là một điểm khác biệt lớn so với quan điểm của các nhà triết học mácxít sau này, là ông đã khẳng định sự tồn tại vĩnh viễn của quyền tự hữu tài sản.

Trong Phần hai của tác phẩm *Các nguyên lý của triết học pháp quyền* có tiêu đề là “Luân lý” cho thấy mối quan hệ hữu cơ giữa pháp quyền và luân lý (đạo đức), giữa triết học pháp quyền và đạo đức học của Hegel. Điều này được thể hiện trong sự triển khai khái niệm pháp quyền trong lĩnh vực luân lý. Sự phát triển tiếp theo của tinh thần được Hegel triển khai trong Phần ba “Đời sống đạo đức”. Đây là phần quan trọng nhất trong tác phẩm *Các nguyên lý của triết học của pháp quyền* của Hegel. Mô hình tam đoạn thức thu nhỏ của Hegel được thể hiện rất rõ trong sự khai triển nội dung của nó. Đầu tiên là những quan điểm tiên bộ của Hegel về gia đình, và đây cũng là nội dung dễ hiểu nhất mà những nhà nghiên cứu triết học có thể thấy ở hệ thống triết học của Hegel. Bởi Hegel là người ủng hộ cho chế độ hôn nhân một vợ một chồng vốn được ghi nhận trong giáo lý của Kitô giáo, ông đề cao chức năng của gia đình và hôn

nhân tự nguyện dựa trên tình yêu nam nữ. Tuy nhiên, nội dung có giá trị nhất và cũng là nội dung gây tranh cãi nhiều nhất là quan niệm của Hegel về nhà nước.

2.2. Sự phân chia và thống nhất quyền lực nhà nước trong triết học pháp quyền của G.W.F. Hegel

Trong lịch sử triết học phương Tây, tư tưởng về quyền lực nhà nước đã có những bước phát triển vượt bậc vào thời kỳ Khai sáng Pháp, nhất là trong tư tưởng triết học của Montesquieu, khi tam quyền phân lập đã trở thành một nguyên tắc cơ bản cho sự phân chia và hoạt động của bộ máy quyền lực nhà nước – đây cũng là điểm nổi bật trong triết học chính trị của Montesquieu. Tuy nhiên, trong triết học pháp quyền, Hegel không đồng tình với mô hình tam quyền phân lập, bởi theo ông, “nếu các quyền lực – tức những cái được gọi là quyền hành pháp và quyền lập pháp – đặt được sự độc lập – tự tồn, thì sự phá hủy Nhà nước đã lập tức được thiết định” [4, tr.725].

Ở Hegel, tuy có sự phân biệt giữa quyền lập pháp và quyền hành pháp, nhưng đó chỉ là sự phân biệt giữa các mômen¹ cấu thành của một hệ thống quyền lực nhà nước thống nhất. Do đó, thay vì phân chia quyền lực nhà nước thành quyền lực lập pháp, hành pháp, và tư pháp giống như Montesquieu, Hegel lại chủ trương phân chia quyền lực nhà nước tương ứng với cấu trúc tư biện của Khái niệm: tính phổ biến – quyền lập pháp; tính đặc thù – quyền hành pháp; tính cá biệt – quyền lực của quốc vương trong chính thể quân chủ lập hiến. Còn riêng quyền lực tư pháp và cảnh sát nằm trong quyền hành pháp và thuộc về xã hội dân sự.

Theo cấu trúc của mômen quyền lực nhà nước, đúng lẽ, Hegel phải triển khai quyền lực lập pháp trước, nhưng trong triết học pháp quyền, ông lại bắt đầu từ quyền lực của quốc vương – tức bắt đầu từ tính cá biệt chứ không phải là tính phổ biến giống như tiến trình lôgic quen thuộc của Hegel. Điều này dường như cho thấy sự băn khoăn, do dự và giằng xé nội tâm của Hegel trước diễn biến phức tạp của thời cuộc, của thực tiễn chính trị đầy biến động lúc bấy giờ. Nhưng, Hegel đã biện minh điều này như sau: “Ta bắt đầu với quyền lực của quốc vương, tức là, với mômen của tính cá biệt, vì nó bao hàm trong mình ba mômen của Nhà nước xét như một cái toàn thể. Nói khác đi, cái “Tôi” là cái cá biệt nhất đồng thời là cái phổ biến nhất” [4, tr.737].

Quan niệm của Hegel về **quyền lực của quốc vương** là một trong những nội dung tư tưởng gây ra sự phản ứng gay gắt từ phía các nhà triết học macxit sau này, bởi nó chứa đựng những yếu tố duy tâm thần bí và cả sự thỏa hiệp của Hegel trước Nhà nước Phổ. Tính chất duy tâm và thần bí được thể hiện ngay trong những lý giải của Hegel về nguồn gốc quyền lực của quốc vương. Theo Hegel, quyền lực của quốc vương là cái gì đó thiêng liêng giống như là biểu tượng của quốc gia dân tộc trong thế giới hiện đại và quyền lực của quốc vương là mặc nhiên không cần phải chứng minh. Nguồn gốc sinh đẻ tự nhiên chính là yếu tố quan trọng quyết định một cá nhân có được vị trí của một quốc vương. Việc thừa nhận nguồn gốc tự nhiên và tính chất thừa kế đối với duy nhất vị trí quốc vương đã gây ra sự phê phán và e ngại ở nhiều người đối với nguy cơ của sự yếu

¹ **Mômen (Moment)** là từ khó dịch trọn nghĩa. Khi Hegel nhấn mạnh tính tương hỗ qua lại và tính không thể tách rời của những bộ phận của một cái toàn bộ hay của tính toàn thể, ông thường gọi chúng là những *Moment*.

kém về tài năng cũng như phẩm chất đạo đức của vị quốc vương. Tuy nhiên, “trong một Nhà nước được tổ chức hoàn chỉnh, vấn đề đặt ra cho cơ quan quyền lực tối cao chỉ là một quyết định hình thức, và tất cả những gì cần đến ở một vị quốc vương là nói “Đồng ý” và đặt dấu chấm lên chữ “I” (...) Trong một chính thể quân chủ có nề nếp, phương diện khách quan chỉ là công việc của luật pháp, còn vị quốc vương chỉ đơn thuần bổ sung thêm vào đó cái “Ta muốn” chủ quan của mình thôi [4, tr. 752].

Nhìn chung, quyền lực của quốc vương trong chính thể quân chủ lập hiến giống như quyền lực của một nguyên thủ quốc gia trong các mô hình Nhà nước hiện đại ngày nay. Trước hết, quốc vương có quyền ân xá đối với những kẻ phạm tội, và quyền ân xá này theo Hegel là một trong những sự thừa nhận cao nhất về sự tôn nghiêm của Tinh thần (ở Việt Nam, quyền ân xá là quyền đặc thù của Chủ tịch nước với tư cách là một nguyên thủ quốc gia). Tiếp đó quốc vương còn có quyền bổ nhiệm và bãi nhiệm những cá nhân trong chừng mực hoạt động của những cá nhân ấy có quan hệ trực tiếp với quốc vương; và mômen cuối cùng của quyền lực quốc vương có liên quan đến cái phổ biến tự mình và cho mình, hiện diện một cách chủ quan trong lương tâm của quốc vương, trong hiến pháp và pháp luật xét như một cái toàn bộ.

Trong triết học pháp quyền của Hegel, vấn đề quyền lực của quốc vương gắn liền với vấn đề chủ quyền Nhà nước. Xét về chủ quyền đối ngoại của Nhà nước, quốc vương là người có trách nhiệm trực tiếp và duy nhất trong việc chỉ huy lực lượng vũ trang, xử lý quan hệ với các Nhà nước khác thông qua các sứ thần, quyết định về chiến tranh và ký kết các hiệp ước, công ước quốc tế và khu vực, hay nói cách khác quốc vương với tư cách là nguyên thủ quốc gia là người đại diện cho một quốc gia trong quan hệ đối ngoại. Tuy nhiên, chủ quyền đối ngoại là một cái gì đó hạn chế hơn nếu so sánh với chủ quyền đối nội, bởi theo Hegel, trong chính thể quân chủ phong kiến thời xưa, Nhà nước tất nhiên có chủ quyền đối ngoại, nhưng về mặt chủ quyền đối nội, không chỉ bản thân vị quốc vương mà cả Nhà nước đều không có. Hegel cho rằng, sẽ là một sự ngộ nhận rất thông thường khi đánh đồng chủ quyền với chủ nghĩa chuyên chế, bởi theo ông, chủ nghĩa chuyên chế là tình trạng vô pháp luật nói chung, ở đó, ý chí đặc thù xét như là ý chí đặc thù của một ông vua hay là của nhân dân đều được xem như pháp luật hoặc có ý nghĩa thay thế cho pháp luật, trong khi đó chủ quyền nhà nước phải được tìm thấy trong tình trạng hợp pháp và hợp hiến, tức là trong một nhà nước quân chủ lập hiến, khi mà hiến pháp và pháp luật có vai trò đặc biệt quan trọng, là cơ sở cho quyền lực của quốc vương và quốc vương cai trị phải dựa vào chúng. Với quan niệm như vậy, cho dù những luận giải của Hegel về quyền lực của quốc vương còn nhiều hạn chế, mang tính chất duy tâm và khiên cưỡng thì cũng không thể phủ nhận rằng xét một cách tổng thể học thuyết về nhà nước của ông thể hiện rõ một Nhà nước pháp quyền thực sự.

Tiếp sau quyền lực của quốc vương, Hegel bàn đến **quyền lực hành pháp**. Theo Hegel, nhiệm vụ của quyền lực hành pháp là giữ vững pháp luật và các lợi ích phổ biến của Nhà nước, đảm bảo luật pháp và công lý được thực thi. Ở Hegel, quyền lực hành pháp bao gồm cả quyền tư pháp và

cảnh sát, tức là các quyền lực có quan hệ trực tiếp đến các công việc đặc thù của xã hội dân sự và có quan hệ mật thiết với quyền lực của quốc vương. Hegel viết: “Việc thực thi và áp dụng các quyết định của quốc vương, và, nói chung, việc tiếp tục thực hiện và giữ vững các quyết định, các luật lệ, định chế và tổ chức đã có vì mục đích chung v.v... được phân biệt với bản thân các quyết định. Nói chung, nhiệm vụ thuộc này thuộc về quyền hành pháp.” [4, tr. 762]

Trong lý luận về quyền hành pháp, Hegel đã dành sự quan tâm đặc biệt đến công chức, viên chức – những người làm việc trực tiếp trong các cơ quan hành chính nhà nước. Hegel cho rằng, “những thành viên của chính phủ và đội ngũ công chức hình thành nên bộ phận chính yếu của tầng lớp trung lưu, hiện thân cho trí tuệ được đào luyện và ý thức pháp luật của quần chúng” [4, tr. 772]. Như vậy, tầng lớp trung lưu bao gồm những viên chức nhà nước - những người có ý thức chính trị và trình độ giáo dục nổi bật nhất, là trụ cột của Nhà nước về phương diện tính tôn trọng pháp luật và trí tuệ. Vì thế, theo Hegel, Nhà nước nào không có tầng lớp trung lưu thì vẫn chưa đạt đến cấp độ cao. Khác với vị trí quốc vương chủ yếu do dòng dõi và nguồn gốc tự nhiên của việc sinh đẻ mang lại, những cá nhân để có thể làm việc và đảm nhận các nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong các cơ quan hành pháp cần phải có tri thức và sự chứng minh về năng lực của mình. Do đó, Nhà nước luôn đảm bảo bất kỳ công dân nào cũng có cơ hội trở thành công chức, viên chức nhà nước – tức trở thành tầng lớp phổ biến của xã hội nếu hội tụ đầy đủ các điều kiện cần thiết. Ngoài ra, Hegel còn yêu cầu công chức trong khi thực thi công vụ phải biết hy sinh việc thỏa mãn những mục đích chủ quan của mình, và qua đó mang lại cho họ quyền tìm thấy sự thỏa mãn trong việc hoàn thành nghĩa vụ và chỉ trong việc này mà thôi. Bởi vậy, mối quan hệ giữa các công chức với cơ quan nhà nước không phải được thiết lập đơn thuần trên cơ sở quan hệ hợp đồng, mặc dù có sự thỏa thuận giữa hai bên. Người công chức không phải được thuê như một nhân viên để làm công việc ngẫu nhiên, mà phải biến quan hệ của mình thành mối quan tâm chủ yếu của sự hiện hữu đặc thù và mang tính tinh thần của chính mình. Vì thế, nhiệm vụ của người công chức phải thực hiện, trong tính cách trực tiếp của nó, là một giá trị tự mình và cho mình; và “để cho sự trong sạch, tôn trọng pháp luật và khoan hòa trong cung cách hành xử của các viên chức trở thành tập tục thì cần phải có sự giáo dục về đạo đức và trí tuệ...” [4, tr. 772].

Với sự tinh tế của mình, trong quan niệm về quyền lực hành pháp, Hegel đã sớm nhận thấy nguy cơ lạm dụng quyền lực từ phía các cơ quan công quyền, từ những người công chức và viên chức nhà nước. Việc chống lại sự lạm dụng quyền lực từ phía cơ quan công quyền và các viên chức nhà nước, theo Hegel, “một mặt, là trách nhiệm trực tiếp của hệ thống cấp bậc trong bộ máy nhà nước, nhưng mặt khác, nằm trong thẩm quyền chính đáng của những hội đoàn, những tổ chức địa phương ngăn chặn không cho sự tùy tiện chủ quan của các quan chức được can thiệp vào công việc riêng của mình và bổ sung sự kiểm soát từ bên dưới cho sự kiểm soát từ bên trên vốn không thể theo dõi đến tận cá nhân” [4, tr. 770 – 771].

Như vậy, trong quan niệm của Hegel, những hạn chế của việc kiểm soát Nhà nước từ bên trên chủ yếu là do lợi

ích chung của quan chức câu kết lại thành phe nhóm chống lại cấp trên lẫn dân chúng. Do đó, cần có sự kiểm soát của các tổ chức, hiệp hội trong xã hội dân sự và cần sự can thiệp cao hơn của quốc vương. Nhìn chung, quan niệm về quyền hành pháp trong học thuyết về Nhà nước của Hegel chứa đựng những điểm tiến bộ, đặc biệt là việc đề cao vai trò, trách nhiệm, những phẩm chất đạo đức và tài năng của công chức, viên chức nhà nước.

Trong triết học pháp quyền của Hegel, **quyền lực lập pháp** tương ứng với mômen tính phổ biến trong cấu trúc tư biện của quyền lực nhà nước. Vì vậy, trong quan niệm của Hegel, sự phân biệt giữa quyền lực lập pháp và quyền lực hành pháp giống như là sự phân biệt giữa tính phổ biến và tính đặc thù trong cùng mômen quyền lực nhà nước, đó là sự phân biệt khái quát giữa đối tượng của một sự ban bố luật pháp với những gì dành cho việc quy định của các cơ quan hành chính hay các điều chỉnh của chính quyền. Cái trước chỉ bao gồm những gì hoàn toàn có tính phổ biến về nội dung – tức những quy định pháp luật, trong khi cái sau bao gồm cái đặc thù cũng như những cách thức và phương tiện để các biện pháp được thực thi. Như vậy, ở Hegel, tuy có sự phân biệt giữa quyền lập pháp và quyền hành pháp, nhưng giữa chúng không tồn tại một cách độc lập, mà ngược lại, quyền lực lập pháp xét như cái Toàn bộ thường xuyên chịu sự tác động của mômen quân chủ như là quyền lực của sự quyết định tối hậu; và thứ hai là quyền hành pháp như là mômen tư vấn. Hay nói một cách khác, quyền lực của quốc vương, quyền hành pháp, quyền lập pháp trong quan niệm của Hegel là có sự thống nhất, không tách rời nhau. Trong tác phẩm *Các nguyên lý của triết học pháp quyền*, Hegel cho rằng, “một trong những quan niệm sai lầm về Nhà nước là cho rằng các thành viên của hành pháp cần được loại ra khỏi các cơ quan lập pháp như đã xảy ra, chẳng hạn, trong Quốc hội lập hiến [của Pháp]. Ở nước Anh, các bộ trưởng phải là các thành viên của Nghị viện và điều ấy là đúng đắn, vì những ai tham gia chính phủ thì phải liên kết với quyền lập pháp chứ không phải đối lập lại nó. Quan niệm về cái gọi là sự độc lập của các quyền lực cần phải độc lập với nhau, thậm chí hạn chế nhau. Nhưng, nếu chúng độc lập với nhau thì sự thống nhất của Nhà nước – vốn là đòi hỏi cao nhất – sẽ bị thủ tiêu” [4, tr. 778 – 779].

Hạt nhân trong học thuyết về quyền lập pháp của Hegel chính là lý luận về quyền cử đại biểu từ các tầng lớp trong xã hội dân sự tham gia vào công việc của Nhà nước. Với Hegel, các tầng lớp của xã hội dân sự chỉ có thể tham gia vào các công việc chính trị của Nhà nước một cách gián tiếp thông qua cơ chế cử đại biểu và ông không đồng tình với quan điểm cho rằng mọi cá nhân đều có thể tham gia vào công việc phổ biến của Nhà nước, bởi quan điểm ấy muốn tìm cách gieo vào cơ chế hữu cơ của Nhà nước một yếu tố dân chủ nhưng không có hình thức hợp lý tính. Do đó, ý tưởng của Hegel về việc tham gia của nhân dân vào quyền lập pháp phải được thực hiện dưới hình thức đại diện các tầng lớp được tổ chức, chứ không phải từ những đại biểu được bầu bởi những nhân thân riêng tư và cô lập như ngày nay. Như thế, những công dân riêng lẻ chỉ tham gia vào quyền lực chính trị một cách gián tiếp, thông qua các nhóm hay các tổ chức, hiệp hội trong xã hội dân sự, vì chỉ trong phạm vi của hiệp hội, cộng đồng, cá nhân mới đạt tới sự quy

định hiện thực và sống động như là cái phổ biến, và cánh cửa luôn rộng mở cho cá nhân có thể tham gia bất kỳ tầng lớp nào, kể cả tầng lớp phổ biến nếu đủ năng lực. Các đại biểu được bầu từ các tầng lớp trong xã hội dân sự chính là những người nắm rõ các hoạt động của viên chức nhà nước ở cấp dưới vốn ít được cấp trên của họ biết đến, và dựa vào sự phê bình, góp ý của các đại biểu, nhất là sự phê bình công khai sẽ buộc các viên chức phải tiếp thu và áp dụng những ý kiến sáng suốt ấy trước và trong khi thực hiện các đề án của họ, phù hợp với những động cơ trong sáng nhất. Vì vậy, những cá nhân được bầu phải dành cho cái phổ biến sự ủng hộ cơ bản và không được đặt lợi ích phổ biến dưới lợi ích đặc thù của một cộng đồng hay một hiệp hội.

3. Đánh giá

Trong triết học pháp quyền, Hegel chủ yếu nghiên cứu quyền lực nhà nước trong mô hình Nhà nước quân chủ lập hiến với ba mômen quyền lực: quyền lực của quốc vương (tính cá biệt), quyền hành pháp (tính đặc thù) và quyền lập pháp (tính phổ biến). Ở Hegel, quyền lực nhà nước phải được tổ chức theo nguyên tắc có sự phân chia và thống nhất không giống với thuyết tam quyền phân lập của Montesquieu – một học thuyết pháp quyền đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ của nhiều chính trị gia, nhiều nhà tư tưởng hiện đại. Vì vậy, nhiều nhà nghiên cứu đã cho rằng, học thuyết của Hegel về quyền lực nhà nước là một bước thụt lùi so với tư tưởng của các Nhà Khai sáng Pháp. Tuy nhiên, ở đây, tôi nhận thấy những điểm tích cực đáng ghi nhận ở Hegel với tư cách là một trong những triết gia đã sớm nhận ra những hạn chế của mô hình tam quyền phân lập, nhận thấy những nguy cơ phá vỡ tính thống nhất cần thiết của quyền lực nhà nước; và một điều tinh tế hơn là ở chỗ Hegel đã ngấm tách quyền tư pháp ra khỏi mômen quyền lực nhà nước để gửi gắm nó trong xã hội dân sự – một lĩnh vực nằm ngoài Nhà nước. Vì thế, trong triết học pháp quyền, Hegel luôn khẳng định tính tối cao của pháp luật và tầm quan trọng của cơ quan tư pháp trong việc đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Hoạt động của tòa án phải diễn ra một cách công khai và tuân theo những thủ tục tố tụng. Hegel cho rằng, bất kỳ “thành viên nào trong xã hội dân sự cũng có quyền có mặt cũng như có nghĩa vụ trình diện trước tòa và chỉ chấp nhận quyết định của tòa khi tranh tụng về quyền của mình” [4, tr. 589]. Sự độc lập tư pháp không những quan trọng cho việc bảo tồn sự tối thượng của Hiến pháp và hệ thống kiểm soát và cân bằng quyền lực hợp hiến, mà còn quan trọng trong việc bảo vệ các cá nhân. Các phán quyết của tòa án không nằm dưới sự kiểm soát của bất kỳ cơ quan chính quyền nào, và họ cũng không bị giới hạn bởi ý muốn tạm thời của quần chúng. Nhiều khi quyết định của tòa án thông qua các thẩm phán còn có thể đi ngược lại ý muốn của quần chúng. Như vậy, trong triết học pháp quyền của Hegel, vẫn có được tính độc lập tương đối của quyền tư pháp so với các quyền lực nhà nước khác – Đây là đặc trưng quan trọng và là điều kiện không thể thiếu để có được Nhà nước pháp quyền trong hiện thực. Điều này càng cho thấy tính hiện đại và sự tương thích giữa quan niệm về Nhà nước của Hegel với học thuyết về Nhà nước pháp quyền.

Ngoài ra, Hegel nhận thấy việc phân tán hay tách biệt quyền lực càng lớn, càng sâu thì việc kiểm soát quyền lực

càng bị hạn chế và càng ít có tính khả thi. Sự chuyên biệt hóa cũng bộc lộ những hạn chế của nó. Hegel cho rằng, việc đồng nhất (tức là quyền lực tập trung vào một chỗ) hoặc tách biệt hoàn toàn các cơ quan quyền lực của Nhà nước đều không phải là phương án tối ưu. Bởi vậy, theo Hegel, trong Nhà nước pháp quyền không nhất thiết phải có sự phân quyền hay phân công thuần túy dựa trên chức năng chuyên biệt mà nên có sự phân công quyền lực trong sự thống nhất. Mặc dù mô hình tam quyền phân lập được đa số quốc gia phương Tây hiện đại như Anh, Mỹ, Pháp lựa chọn, nhưng những ý tưởng của Hegel về sự phân công và thống nhất quyền lực nhà nước lại có nhiều điểm tương đồng với lý luận và thực tiễn xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam. Như vậy, tam quyền phân lập rõ ràng không phải là điều kiện và tiêu chí bắt buộc, không phải là con đường duy nhất để có được Nhà nước pháp quyền. Về điểm này, học thuyết về quyền lực nhà nước của Hegel đã chứa đựng những điểm mới làm phong phú thêm lý luận về Nhà nước pháp quyền hiện đại. Trong triết học pháp quyền, Hegel luôn nhấn mạnh đến tính thống nhất của quyền lực nhà nước và không đồng tình với thuyết tam quyền phân lập của Nhà Khai sáng Pháp, nhưng trong quan niệm của Hegel vẫn thể hiện rõ tư tưởng về một Nhà nước pháp quyền và Nhà nước hiến định. Theo dịch giả Bùi Văn Nam Sơn thì điều này được thể hiện rõ ở ba phương diện: thứ nhất, Nhà nước không phải là bộ máy quyền lực đơn thuần mà được cai quản bởi pháp luật như là tồn tại hiện có của ý chí tự do; thứ hai, là Nhà nước hiến định theo nghĩa của công pháp đối nội và đối ngoại; và sau cùng là Nhà nước áp dụng luật dân sự và hình sự theo quy trình tổ tụng minh bạch. Hegel luôn xem việc bảo đảm bằng định chế cho những quyền hạn cá nhân cụ thể trong gia đình, nghề nghiệp, sự quản trị và thực thi công lý, hiệp hội và sự đại diện chính trị là ưu việt hơn quyền hạn danh nghĩa. Việc không nhấn mạnh đến cơ chế bảo vệ những quyền cá nhân, kể cả quyền của thiểu số trước sự lạm quyền có thể có của Nhà nước đúng là một chỗ yếu trong phác đồ của Hegel.

Nhưng cũng không vì thế mà có thể tước bỏ tính hiện đại trong mô hình của Hegel, khi ông nhấn mạnh yêu cầu khá quen thuộc ngày nay về một sự kết hợp giữa Nhà nước pháp quyền và Nhà nước xã hội. Vì vậy, giá trị của những quan điểm của Hegel về Nhà nước là ở chỗ, chức năng bạo lực, cưỡng bức của nó không chiếm vai trò quan trọng lắm. Điều chủ yếu – đó là định hướng xã hội và pháp lý của hoạt động Nhà nước, bản chất định hướng sâu sắc, tính lý trí và hữu ích của Nhà nước đối với xã hội và cá nhân.

4. Kết luận

Nhìn chung, trong triết học pháp quyền, Hegel đã phân chia quyền lực nhà nước theo cấu trúc tam đoạn thức quen thuộc gồm quyền lực của quốc vương, quyền hành pháp và quyền lập pháp tương ứng với ba mômen: tính cá biệt, tính đặc thù và tính phổ biến của Khái niệm. Việc phân chia quyền lực nhà nước như vậy cho thấy sự khiên cưỡng và gượng ép của Hegel, nhưng, đúng như Engels đã nhận xét thì đằng sau những kết cấu gượng gạo trong các công trình nghiên cứu của Hegel chứa đựng vô vàn những tư tưởng quý báu mà đến nay vẫn còn có giá trị. Vì vậy, khi nghiên cứu về vấn đề quyền lực nhà nước trong triết học pháp quyền của Hegel chúng ta thấy rằng, thực chất cấu trúc quyền lực không chỉ gồm ba mômen: quyền lực của quốc vương, quyền lực hành pháp và quyền lực lập pháp mà còn có quyền lực tự pháp và sức mạnh của công luận hay tự do ngôn luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Trọng Chuẩn, Đỗ Minh Hợp, *Triết học pháp quyền Hegel*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.
- [2] G.W.F. Hegel, *Philosophy of Mind*, Oxford Clarendon Press, 1894.
- [3] G.W.F. Hegel, *Bách khoa thư các khoa học triết học I - Khoa học logic*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2008.
- [4] G.W.F. Hegel, *Các nguyên lý của triết học pháp quyền*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2010.
- [5] Paul Redding, *Thông diễn học của Hegel*, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2006.

(BBT nhận bài: 08/12/2015, phản biện xong: 08/01/2016)